

Phòng GD&ĐT quận Bình Thạnh
Trường Mầm non 11B

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 24 tháng 04 năm 2025

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				40,258
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		37,000	265	9,805,000
	Được chi trong ngày				9,845,258
	Đã chi trong ngày				9,566,280
	1. Dịch vụ				291,500
1	Gas sáng		0	265	0
2	Gas trưa		1,100	265	291,500
	2. Kho				279,000
	Ăn chính				279,000
1	sữa meta care từ 1-6 tuổi	Kg	279,000	1	279,000
	3. Đi chợ				8,995,780
	Ăn chính				8,995,780
1	Gạo tẻ	Kg	27,300	13	354,900
2	Cải cúc (tân ô)	Kg	57,750	4.5	259,875
3	Giá đậu xanh	Kg	16,800	1.5	25,200
4	Hành lá (hành hoa)	Kg	78,750	0.3	23,625
5	Hẹ lá	Kg	52,500	0.3	15,750
6	Mướp	Kg	33,600	2	67,200
7	Rau ngò	Kg	147,000	0.2	29,400
8	Tỏi	Kg	78,750	0.2	15,750
9	Nấm rơm	Kg	189,000	0.5	94,500
10	Thịt nạc dăm, ba chỉ, thịt đùi	Kg	199,500	4	798,000
11	Đường kính	Kg	38,850	4	155,400
12	Gừng tươi	Kg	63,000	0.2	12,600
13	Ngũ vị hương	Gói	8,640	2	17,280
14	Tôm sú	Kg	378,000	4.5	1,701,000
15	Muối iốt	Gói	5,500	1	5,500
16	Nho	Kg	294,000	10	2,940,000
17	Dầu ăn Tường An 1L	Lít	66,960	2	133,920
18	Thịt gà phi lê	Kg	110,250	7	771,750
19	Nước mắm Hồng Hạnh	Chai	78,840	2	157,680
20	Mía	Kg	31,500	8	252,000
21	Mì trứng Safoco	Gói	37,800	6	226,800
22	Củ hành tím	Kg	68,250	0.2	13,650
23	Đùi gà	Kg	115,500	8	924,000
	Chi kho lũy kế từ đầu tháng				7,387,000
	Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				152,331,922
	Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			4,451	
	Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				164,687,000
	Đã chi lũy kế từ đầu tháng				164,408,022
	Chênh lệch cuối ngày				278,978

Kế toán


Lương Thị Thân Thương

Phó hiệu trưởng


Nguyễn Thị Diệp Thúy